

**Phụ lục**  
**Yêu cầu báo giá phân tích kiểm nghiệm**  
(Đính kèm Thông báo số        /TB-SATTP ngày    tháng    năm 2026  
của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh)

Lấy mẫu kiểm nghiệm an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đối với TPBVSK cải thiện chức năng sinh lý; TPBVSK cải thiện chức năng xương khớp; TPBVSK giảm nguy cơ mắc bệnh béo phì; TPBVSK tăng cân; TPBVSK dành cho người bị tiểu đường; TPBVSK dành cho người bị tăng huyết áp; TPBVSK hỗ trợ kích thích ăn ngon; TPBVSK gan mật; TPBVSK hỗ trợ điều trị ho, viêm họng; TPBVSK hỗ trợ điều trị viêm xoang, đau đầu.

| STT      | Nội dung                                     | Số lượng | Đơn vị tính | Đơn giá<br>(Đồng) | Thành tiền<br>(Đồng) |
|----------|----------------------------------------------|----------|-------------|-------------------|----------------------|
| <b>1</b> | <b>TPBVSK cải thiện chức năng sinh lý</b>    |          |             |                   |                      |
| 1.1      | Kim loại nặng:                               |          |             |                   |                      |
|          | Arsen (As)                                   | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Cadmi (Cd)                                   | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Chì (Pb)                                     | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Thủy ngân (Hg)                               | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 1.2      | Dược chất                                    |          |             |                   |                      |
|          | Sibutramine                                  | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Tadalafil                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Vardenafil                                   | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Testosteron                                  | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 1.3      | Vi sinh vật                                  |          |             |                   |                      |
|          | TSVSVHK                                      | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>TSNMNM</i>                                | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>Salmonella</i>                            | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>E coli</i>                                | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| <b>2</b> | <b>TPBVSK cải thiện chức năng xương khớp</b> |          |             |                   |                      |
| 2.1      | Kim loại nặng:                               |          |             |                   |                      |
|          | Arsen (As)                                   | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Cadmi (Cd)                                   | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Chì (Pb)                                     | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Thủy ngân (Hg)                               | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 2.2      | Dược chất                                    |          | Mẫu         |                   |                      |
|          | Piroxicam                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Prednisolon                                  | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Methylprednisolone                           | 15       | Mẫu         |                   |                      |

| STT      | Nội dung                                    | Số lượng | Đơn vị tính | Đơn giá<br>(Đồng) | Thành tiền<br>(Đồng) |
|----------|---------------------------------------------|----------|-------------|-------------------|----------------------|
|          | Dexamethasone                               | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Ibuprofen                                   | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Diclofenac                                  | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Hydrocortisone                              | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 2.3      | Vi sinh vật                                 |          |             |                   |                      |
|          | TSVSVHK                                     | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>TSNMNM</i>                               | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>Salmonella</i>                           | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>E coli</i>                               | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| <b>3</b> | <b>TPBVSK giảm nguy cơ mắc bệnh béo phì</b> |          |             |                   |                      |
| 3.1      | Kim loại nặng:                              |          |             |                   |                      |
|          | Arsen (As)                                  | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Cadmi (Cd)                                  | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Chì (Pb)                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Thủy ngân (Hg)                              | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 3.2      | Dược chất                                   |          |             |                   |                      |
|          | Sibutramine                                 | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Desmethylsibutramine                        | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Didesmethylsibutramine                      | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 3.3      | Vi sinh vật                                 |          |             |                   |                      |
|          | TSVSVHK                                     | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>TSNMNM</i>                               | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>Salmonella</i>                           | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>E coli</i>                               | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| <b>4</b> | <b>TPBVSK tăng cân</b>                      |          |             |                   |                      |
| 4.1      | Kim loại nặng:                              |          |             |                   |                      |
|          | Arsen (As)                                  | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Cadmi (Cd)                                  | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Chì (Pb)                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Thủy ngân (Hg)                              | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 4.2      | Dược chất                                   |          |             |                   |                      |
|          | Dexamethasone                               | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Cyproheptadine                              | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 4.3      | Vi sinh vật                                 |          |             |                   |                      |
|          | TSVSVHK                                     | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>TSNMNM</i>                               | 15       | Mẫu         |                   |                      |

| STT      | Nội dung                                      | Số lượng | Đơn vị tính | Đơn giá<br>(Đồng) | Thành tiền<br>(Đồng) |
|----------|-----------------------------------------------|----------|-------------|-------------------|----------------------|
|          | <i>Salmonella</i>                             | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>E coli</i>                                 | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| <b>5</b> | <b>TPBVSK dành cho người bị tiểu đường</b>    |          |             |                   |                      |
| 5.1      | Kim loại nặng                                 |          |             |                   |                      |
|          | Arsen (As)                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Cadmi (Cd)                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Chì (Pb)                                      | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Thủy ngân (Hg)                                | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 5.2      | Dược chất                                     |          |             |                   |                      |
|          | Phenformin                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Buformin                                      | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 5.3      | Vi sinh vật                                   |          |             |                   |                      |
|          | TSVSVHK                                       | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>TSNMNM</i>                                 | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>Salmonella</i>                             | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>E coli</i>                                 | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| <b>6</b> | <b>TPBVSK dành cho người bị tăng huyết áp</b> |          |             |                   |                      |
| 6.1      | Kim loại nặng                                 |          |             |                   |                      |
|          | Arsen (As)                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Cadmi (Cd)                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Chì (Pb)                                      | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Thủy ngân (Hg)                                | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 6.2      | Dược chất                                     |          |             |                   |                      |
|          | Furosemide                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 6.3      | Vi sinh vật                                   |          |             |                   |                      |
|          | TSVSVHK                                       | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>TSNMNM</i>                                 | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>Salmonella</i>                             | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | <i>E coli</i>                                 | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| <b>7</b> | <b>TPBVSK hỗ trợ kích thích ăn ngon</b>       |          |             |                   |                      |
| 7.1      | Kim loại nặng                                 |          |             |                   |                      |
|          | Arsen (As)                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Cadmi (Cd)                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|          | Chì (Pb)                                      | 15       | Mẫu         |                   |                      |

| STT       | Nội dung                                          | Số lượng | Đơn vị tính | Đơn giá<br>(Đồng) | Thành tiền<br>(Đồng) |
|-----------|---------------------------------------------------|----------|-------------|-------------------|----------------------|
|           | Thủy ngân (Hg)                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 7.2       | Dược chất                                         |          |             |                   |                      |
|           | Cyproheptadine                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 7.3       | Vi sinh vật                                       |          |             |                   |                      |
|           | TSVSVHK                                           | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | <i>TSNMNM</i>                                     | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | <i>Salmonella</i>                                 | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | <i>E coli</i>                                     | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| <b>8</b>  | <b>TPBVSK gan mật</b>                             |          |             |                   |                      |
| 8.1       | Kim loại nặng                                     |          |             |                   |                      |
|           | Arsen (As)                                        | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | Cadmi (Cd)                                        | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | Chì (Pb)                                          | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | Thủy ngân (Hg)                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 8.2       | Dược chất                                         |          |             |                   |                      |
|           | Furosemide                                        | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 8.3       | Vi sinh vật                                       |          |             |                   |                      |
|           | TSVSVHK                                           | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | <i>TSNMNM</i>                                     | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | <i>Salmonella</i>                                 | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | <i>E coli</i>                                     | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| <b>9</b>  | <b>TPBVSK hỗ trợ điều trị ho, viêm họng</b>       |          |             |                   |                      |
| 9.1       | Kim loại nặng                                     |          |             |                   |                      |
|           | Arsen (As)                                        | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | Cadmi (Cd)                                        | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | Chì (Pb)                                          | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | Thủy ngân (Hg)                                    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 9.2       | Dược chất                                         |          |             |                   |                      |
|           | Ibuprofen                                         | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 9.3       | Vi sinh vật                                       |          |             |                   |                      |
|           | TSVSVHK                                           | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | <i>TSNMNM</i>                                     | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | <i>Salmonella</i>                                 | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|           | <i>E coli</i>                                     | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| <b>10</b> | <b>TPBVSK hỗ trợ điều trị viêm xoang, đau đầu</b> |          |             |                   |                      |

| STT  | Nội dung          | Số lượng | Đơn vị tính | Đơn giá<br>(Đồng) | Thành tiền<br>(Đồng) |
|------|-------------------|----------|-------------|-------------------|----------------------|
| 10.1 | Kim loại nặng     |          |             |                   |                      |
|      | Arsen (As)        | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|      | Cadmi (Cd)        | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|      | Chì (Pb)          | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|      | Thủy ngân (Hg)    | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 10.2 | Dược chất         |          |             |                   |                      |
|      | Ibuprofen         | 15       | Mẫu         |                   |                      |
| 10.3 | Vi sinh vật       |          |             |                   |                      |
|      | TSVSVHK           | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|      | <i>TSNMNM</i>     | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|      | <i>Salmonella</i> | 15       | Mẫu         |                   |                      |
|      | <i>E coli</i>     | 15       | Mẫu         |                   |                      |